TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 05-Phòng Thông gió và thoát nước mỏ

Tháng 7 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Bù trừ lương	Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương		Công	Lương	Công	Lương			BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**74**		**36.056.300**	**-1.842.620**	**2**	**481.615**	**2**	**537.538**		**35.232.833**	**1.583.700**	**297.100**	**198.100**	**352.400**	**165.000**	**628.000**	**416.000**	**3.640.300**	**31.592.533**	
1	HL-01395	Cù Như Quyền	Trưởng phòng	6.988.000	24	A	13.408.300	-677.920			2	537.538		13.267.918	559.100	104.900	69.900	132.700	55.000	628.000	416.000	1.965.600	11.302.318	
2	HL-03588	Nguyễn Bá Dũng	Phó phòng	6.545.000	26	A	11.868.350	-582.350						11.286.000	523.700	98.200	65.500	112.900	55.000			855.300	10.430.700	
3	HL-06668	Trần Tùng Bách	Phó phòng	6.261.000	24	A	10.779.650	-582.350	2	481.615				10.678.915	500.900	94.000	62.700	106.800	55.000			819.400	9.859.515	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**169**		**55.051.550**	**-2.877.692**	**5**	**1.040.577**			**58.617**	**53.273.052**	**3.286.600**	**616.500**	**411.200**	**532.700**	**385.000**			**5.232.000**	**48.041.052**	
4	HL-02961	Đỗ Văn Hùng	Chuyên viên	6.578.000	26	A	8.903.400	-433.675						8.469.725	526.300	98.700	65.800	84.700	55.000			830.500	7.639.225	
5	HL-04263	Nguyễn Quốc Tuấn	Chuyên viên	5.411.000	21	A	7.257.050	-433.675	5	1.040.577				7.863.952	432.900	81.200	54.200	78.600	55.000			701.900	7.162.052	
6	HL-00086	Lê Văn Phượng	Chuyên viên	6.264.000	26	A	8.903.400	-433.675						8.469.725	501.200	94.000	62.700	84.700	55.000			797.600	7.672.125	
7	HL-00174	Vũ Ngọc Thanh Cương	Chuyên viên	6.578.000	26	A	8.903.400	-358.055						8.545.345	526.300	98.700	65.800	85.500	55.000			831.300	7.714.045	
8	HL-00977	Lê Ngọc Cương	Chuyên viên	5.411.000	26	A	8.129.150	-406.220						7.722.930	432.900	81.200	54.200	77.200	55.000			700.500	7.022.430	
9	HL-00321	Phạm Thị Thanh	Chuyên viên	5.682.000	26	A	8.128.200	-406.220					58.617	7.780.597	454.600	85.300	56.900	77.800	55.000			729.600	7.050.997	
10	HL-00836	Lê Văn Công	Nhân viên	5.154.000	18	A	4.826.950	-406.172						4.420.778	412.400	77.400	51.600	44.200	55.000			640.600	3.780.178	
Tổng cộng					**243**		**91.107.850**	**-4.720.312**	**7**	**1.522.192**	**2**	**537.538**	**58.617**	**88.505.885**	**4.870.300**	**913.600**	**609.300**	**885.100**	**550.000**	**628.000**	**416.000**	**8.872.300**	**79.633.585**	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**